

SỞ Y TẾ NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 660 /BVĐK-VTTBYT
V/v mời cung cấp báo giá
thiết bị y tế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 22 tháng 4 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở tổ chức mua sắm thiết bị y tế phục vụ hoạt động chuyên môn của Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Tên đơn vị mời báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận bản giấy báo giá:

Các đơn vị gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (*ghi trên bao bì báo giá*):

Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

- Nhận bản scan màu qua email: vattudknb@gmail.com.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: trong vòng 10 ngày, kể từ thời điểm thư mời này được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử (Website) của Bệnh viện. Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính tại thời điểm nhận bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email (thời điểm báo có thư đến), tùy thời điểm nào đến trước.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ thời điểm phát hành báo giá.

5. Thông tin liên hệ (nếu cần): Ông Đinh Quang Hiển, phòng Vật tư - Thiết bị y tế, số điện thoại: 0912643538 (*Chú ý: các đơn vị không gửi báo giá theo địa chỉ này*).

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa mời báo giá

(Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)

Ghi chú:

- Các đơn vị có thể báo giá cho một hoặc một số hoặc toàn bộ các mặt hàng trong danh mục nêu trên (Bệnh viện dự kiến tổ chức đấu thầu theo lô, phần); mỗi mặt hàng, các đơn vị có thể chào nhiều model, cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật cao thấp khác nhau.

- Các đơn vị chào đầy đủ, chi tiết các thông tin hàng hóa (theo hướng dẫn tại Phụ lục đính kèm) làm cơ sở để Bệnh viện tham khảo xây dựng cấu hình, yêu cầu kỹ thuật chi tiết của hàng hóa mời thầu.

- Trường hợp hàng hóa của đơn vị có một hoặc một số thông số, tiêu chí chưa đáp ứng theo yêu cầu báo giá (xấp xỉ với yêu cầu) thì đơn vị vẫn thực hiện chào giá, Bệnh viện sẽ xem xét sử dụng báo giá đó nếu vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn của Bệnh viện.

- Một số hình ảnh hàng hóa trong danh mục chỉ mang tính minh họa.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng

- Tạm ứng: Theo quy định của pháp luật.

- Thanh toán: 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành chứng từ thanh toán.

4. Các thông tin khác

- Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 90 ngày.

- Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Mẫu báo giá: theo Phụ lục 2 đính kèm./. *MT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, VT-TBYT, TCKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Tuyên

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Máy đo SpO2	Cái	27	1. Tính năng cơ bản: - Thiết bị sử dụng để đo nồng độ oxy trong máu, kết hợp đo nhịp tim thông qua đầu ngón tay cho bệnh nhân. 2. Cấu hình cơ bản - Máy chính: 01 cái - Bộ phụ kiện: + Cảm biến đo SpO2 dùng nhiều lần: 01 cái + 01 cái Pin (ắc quy) sạc đi theo máy và 01 bộ sạc đối với máy sử dụng pin sạc nhiều lần hoặc Pin tiểu 1,5v đối với những máy không sử dụng pin sạc. + Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng việt: 01 bộ 3. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản - Dải đo: + SpO2: 70 – 100% + Nhịp tim: từ ≤ 30 đến ≥ 240 nhịp/phút + Chỉ số tước máu: khoảng 0.02% – 20% - Độ chính xác: + Khi không cử động: Người lớn, trẻ em: sai số $\leq 2\%$; + Cử động: Người lớn, trẻ em: sai số $\leq 3\%$; + Khi chỉ số tước máu thấp: Người lớn, trẻ em: sai số $\leq 2\%$; - Độ chính xác nhịp mạch: + Không cử động: sai số ≤ 3 bpm + Cử động: sai số ≤ 5 bpm + Khi chỉ số tước máu thấp: sai số ≤ 3 bpm - Độ phân giải: + Độ bão hoà (%SpO2): 1% + Nhịp mạch (bpm): 1 bpm - Màn hình hiển thị loại LCD màu (hoặc tương đương). - Hiển thị ít nhất các thông số cơ bản: nồng độ oxy trong máu, nhịp mạch. - Đo được giá trị khi bệnh nhân cử động, không cử động, hoặc khi bệnh nhân có chỉ số tước máu thấp. - Có các cảnh báo, báo động bằng âm thanh, ánh sáng. - Sai số của thiết bị khi đo ($\pm \leq 2\%$) - Có bộ nhớ lưu trữ ≥ 48h
2	Máy shock tim	Cái	1	1. Yêu cầu chung - Nhà sản xuất máy chính đạt tiêu chuẩn ISO

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	(Máy khử rung tim)			13485 - Môi trường làm việc: nhiệt độ tối đa đến ≥ 35 độ C, độ ẩm tối đa đến $\geq 80\%$ - Sử dụng tương thích nguồn điện: 220V, tần số 50Hz - Có bộ lọc nhiễu xoay chiều 50Hz 2. Yêu cầu cấu hình tối thiểu - Máy chính: 01 máy - Các phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm ít nhất: + Bàn cực sốc người lớn + trẻ em: 01 bộ + Cáp điện tim: 01 bộ + Pin (ắc quy) sạc: 01 chiếc + Gel tiếp xúc: 01 lọ + Máy in: 01 cái + Dây tiếp địa: 01 chiếc + Dây nguồn: 01 chiếc - Xe đẩy: 01 cái 3. Yêu cầu về tính năng, kỹ thuật cơ bản - Máy dùng để: + Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu + Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh + Điều trị rung nhĩ - Máy có tính năng: + Sốc điện đồng bộ + Sốc điện không đồng bộ - Kiểu đánh sốc: có thể lựa chọn bằng tay, đồng bộ, tự động - Thời gian nạp: $\leq 6s$ cho 200J khi pin được sạc đầy - Đo được ít nhất chỉ số ECG - Theo dõi ECG: + Tần số từ ≤ 0.5 đến ≥ 120 Hz + Dải đếm nhịp tim từ ≤ 20 đến ≥ 250 bpm $\pm 2\%$ + CMRR $\geq 95dB$ + Có chế độ báo động - Độ nhạy : + Nhịp đánh sốc VF $\geq 90\%$ + Nhịp đánh sốc VT $\geq 75\%$ + Nhịp không sốc $\geq 95\%$ - Dải năng lượng đến $\geq 200J$ - Màn hình hiển thị: loại LCD màu hoặc cao cấp hơn, kích thước ≥ 6.5 inch - Hiển thị được ít nhất các thông số trên màn hình: ECG, chỉ số nhịp tim, tình trạng của pin - Máy có chế độ báo động bằng âm thanh

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				hoặc hình ảnh - Máy in: được thiết kế đồng bộ với máy chính (lắp trong) - Pin sạc gắn liền máy, thời gian hoạt động ≥ 180 phút (ở chế độ theo dõi liên tục) khi sử dụng pin 4. Yêu cầu về xuất xứ: Nhóm các nước G7 (Mỹ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Ý, Canada) 5. Yêu cầu khác: Thiết bị phải được kiểm định ban đầu (trước khi đưa vào sử dụng) về an toàn và tính năng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế
3	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1	- Yêu cầu cấu hình cơ bản: + Máy chính: 01 cái + Bộ sensor đo lưu lượng: 01 bộ + Bộ phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 bộ - Yêu cầu về tính năng, kỹ thuật cơ bản: + Màn hình tinh thể lỏng màu, kích thước ≥ 10 inch + Giới hạn lưu lượng: khoảng từ ± 0.05 đến $\pm \geq 14$ L/phút + Phân tích lưu lượng: * Giới hạn thể tích: khoảng từ ± 0.01 đến $\pm \geq 10.0L$ * Độ chính xác thể tích: $\pm \leq 3\%$ hoặc $\pm \leq 0.05L$ + Số liệu lưu trong bộ nhớ: ≥ 1000 bệnh nhân + Có máy in nhiệt gắn trong - Các thông số đo cơ bản: + Dung tích sóng chậm + Dung tích sóng gắng sức + Thông khí chủ động tối đa + Thể tích phút tối đa + Thể tích phút - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
4	Máy hàn dây máu	Cái	1	1. Yêu cầu về cấu hình tối thiểu - Máy chính (kèm các phụ kiện tiêu chuẩn): 01 máy - Hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt: 01 bộ 2. Yêu cầu về tính năng, kỹ thuật cơ bản - Tính năng: Thiết bị chuyên dụng để hàn dây túi máu trong y tế - Yêu cầu kỹ thuật: + Có thể điều chỉnh độ dài phân đoạn cắt đáp

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				ứng nhu cầu của người vận hành + Có màn hình hoặc đèn chỉ thị màu thể hiện trạng thái thiết bị: sẵn sàng, đang hàn và báo lỗi - Có tính năng phát hiện ống bằng cảm biến - Mỗi hàn kín, dễ dàng tách rời (tại vị trí cắt dây) - Nắp đầu hàn tháo rời được để làm sạch - Hàn được ống PVC có đường kính ngoài đến $\geq 6\text{mm}$ - Thời gian hàn: ≤ 3 giây (tùy thuộc vào đường kính ống) 3. Yêu cầu về xuất xứ: nhóm các nước G7 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
5	Máy xông hơi	Cái	5	1. Tính năng: + Dùng để xông hơi, hỗ trợ điều trị trong Đông y 2. Cấu hình: + Nồi xông: 01 chiếc. + Dây kết nối: 01 chiếc. + Điều khiển từ xa: 01 chiếc. 3. Yêu cầu kỹ thuật: + Dung tích nồi tạo hơi $\geq 3\text{L}$. + Có tính năng hẹn giờ tùy chọn từ 0 đến ≥ 60 phút và điều chỉnh lượng hơi. + Có điều chỉnh và duy trì nhiệt độ. + Điện áp hoạt động: 220V tần số 50Hz. + Năm sx: 2024 trở về sau + Tình trạng : Mới 100% + Lắp đặt tương thích với bồn gỗ hiện có tại Bệnh viện
6	Máy laser nội mạch	Cái	3	1. Tính năng: - Dùng để điều trị nội mạch cho Bệnh nhân + Chống viêm, chống phù nề nông + Kích thích tái tạo mô, làm liền vết thương, vết loét + Giảm đau cục bộ + Châm cứu bằng laser + Điều hòa tuần hoàn hoạt hóa hệ thần kinh: thiếu năng tuần hoàn não, di chứng tai biến mạch máu não, bại não, đau đầu, mất ngủ, đau dây thần kinh, suy giảm trí nhớ, cao huyết áp... + Cải thiện các chỉ số sinh hóa máu: rối loạn chuyển hóa lipid máu, đái tháo đường... 2. Cấu hình:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				+ Thân máy chính: 01 chiếc + Đầu phát laser: 02 cái + Đầu kết nối dùng châm cứu + Dây nguồn: 01 cái + Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Số kênh điều trị: 2 kênh - Cài đặt sẵn các tần số sinh học - Các kênh được thiết lập các thông số và hoạt động độc lập - Bước sóng: $650\text{nm} \pm 2\%$ - Màn hình: Màn hình cảm ứng màu ≥ 5 inch - Điều khiển bằng vi xử lý - Chế độ phát: Liên tục hoặc xung - Độ rộng xung điều chỉnh: khoảng 5 - 95% - Công suất tối đa mỗi kênh : khoảng 0- 6mW - Cài đặt thời gian điều trị: khoảng 1-99 phút - Nguồn cấp: AC 220-240V/50-60Hz 4. Yêu cầu khác: + Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
7	Máy cắt đốt điện đơn cực	Cái	1	- Yêu cầu về tính năng cơ bản: Thiết bị sử dụng để thực hiện dịch vụ kỹ thuật điều trị viêm lộ tuyến cổ tử cung, cắt polip cổ tử cung, polip âm đạo - Yêu cầu về cấu hình cơ bản: + Máy chính: 01 cái + Tầm điện cực trung tính loại dùng nhiều lần: 01 cái + Tay dao cắt đốt đơn cực: ≥ 01 cái + Công tắc đạp chân: 01 cái + Đầu cắt đốt các loại: ≥ 10 cái + Cáp điện cực trung tính: 01 cái + Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh và tiếng Việt): 01 bộ - Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Điện áp sử dụng: 220V – 50/60Hz + có màn hình hiển thị kỹ thuật số cho công suất đã chọn. + Công suất cắt cực đại: $\geq 100\text{w}$ + Công suất cực đại ở chế độ BLEND (cắt cầm máu hỗn hợp) $\geq 80\text{w}$ + Công suất cực đại ở chế độ PORCED COAG (cắt cầm máu nông) $\geq 70\text{w}$ + Công suất cực đại ở chế độ SOFT COAG (cắt cầm máu sâu) $\geq 50\text{w}$ + Công suất cực đại ở chế độ BIPOLAR (cắt

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				cầm máu lưỡng cực) $\geq 40w$ + Máy cắt đốt điện đơn cực có kèm hệ thống hút khói Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
8	Máy soi cổ tử cung	Hệ thống	1	- Yêu cầu về tính năng cơ bản Thiết bị sử dụng để thực hiện dịch vụ kỹ thuật: + Phát hiện các sang thương cổ tử cung + Chẩn đoán ung thu cổ tử cung + Hỗ trợ trong quá trình điều trị tổn thương - Yêu cầu về cấu hình cơ bản: + Camera soi kèm tay điều khiển: 01 cái + Giá đỡ camera: 01 cái + Cáp kết nối: 01 bộ + Pandal chụp hình: 01 cái + Xe đặt máy: 01 cái + Bộ máy vi tính đồng bộ kèm phần mềm quản lý bệnh nhân soi cổ tử cung: 01 bộ + Máy in màu: 01 cái + Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh, Tiếng Việt: 01 bộ - Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: 1. Máy soi chính: - Camera: CMOS hoặc tương đương - Độ phân giải: ≥ 1.4 Megapixel - Độ phân giải ngang: ≥ 1000 dòng - Độ phóng đại: $\geq 30x$ - Độ sâu trường nhìn: từ ≤ 5 đến ≥ 70 mm - Nguồn sáng: Nguồn sáng đèn LED, ánh sáng trắng hoặc xanh da trời - Có chức năng quay video - Có chức năng dừng hình - Chế độ lấy nét: Tự động hoặc bằng tay - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 đối với máy soi chính 2. Chân đế - Thiết kế thẳng đứng. Được sử dụng để hỗ trợ xoay, nâng hạ và di chuyển camera, được kết nối với bộ giao diện, nguồn điện và các thành phần máy trạm - Di chuyển bằng đế 4 chân có bánh xe và có khóa hãm 3. Xe đặt bộ máy vi tính - Dùng để đặt bộ máy tính, màn hình, chuột, bàn phím, máy in. Có bốn bánh xe di chuyển. 4. Phần mềm soi cổ tử cung

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Có chức năng quản lý hình ảnh nội soi, thành lập hồ sơ bệnh nhân độc lập (hoặc thông tin người sử dụng và thông tin bệnh nhân) - Có chức năng chụp hình - Có chức năng chẩn đoán, phân tích 5. Bộ máy vi tính -CPU: Intel Core i5, tốc độ ≥ 3.0 GHz hoặc tương đương - Ram: ≥ 8GB - Dung lượng ổ cứng: ≥ 500GB - Phần mềm: Windows 10 hoặc tương đương - Màn hình LCD $\geq 20,5$ inch, độ phân giải $\geq 1920 \times 1080$ 6. Máy in màu - Loại in ảnh màu, hỗ trợ in giấy A4, độ phân giải ≥ 1200 dpi
9	Thiết bị sưởi ấm cho bệnh nhân mổ	Cái	1	1. Tính năng: - Dùng để duy trì và nâng thân nhiệt của bệnh nhân trong quá trình trước, trong và sau phẫu thuật. 2. Cấu hình: + Thân máy chính: 01 chiếc + Ống thổi gió: 01 chiếc + Chăn giữ nhiệt: ít nhất có các loại dành cho toàn thân, thân trên, thân dưới, thân giữa (có khoảng trống ở giữa vùng bụng, hỗ trợ các phẫu thuật ở vùng bụng và cột sống), chăn đệm lót lưng... + Dây nguồn điện: 01 chiếc + Hướng dẫn sử dụng tiếng việt: 01 quyển + Xe đẩy: 01 chiếc 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Nguồn điện: 220VAC/50HZ - Có màn hình LCD hoặc LED hiển thị chế độ hoạt động và nhiệt độ. - Các chế độ làm việc: + Chế độ nhiệt độ phòng: trong dải $18-28^{\circ}\text{C}$ ($\pm 1^{\circ}\text{C}$). + Chế độ sưởi ấm: với ít nhất 3 mức nhiệt (thấp, trung bình, cao) trong dải $34-45^{\circ}\text{C}$ ($\pm 1^{\circ}\text{C}$) - Độ chính xác: $\pm 1.0^{\circ}\text{C}$ (không khí vào trong ống so với hiển thị) - Cảnh báo: có cảnh báo bằng âm thanh khi quá nhiệt hoặc có sự cố lỗi.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Ống thổi co giãn linh hoạt. - Có Bộ lọc khuẩn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hình minh họa:  
10	Máy hút liên tục	Bộ	15	1. Tính năng: Dùng để hút dẫn lưu 2. Yêu cầu kỹ thuật - Áp lực thấp: -3 ~ -20 cm nước - Lưu lượng ≥ 1.2 L/phút - Bình đựng dung tích ≥ 1.4 L - Chế độ hút liên tục - Phụ kiện đi kèm: + Đầu nối ống thông: 01 cái + Ống nối bệnh nhân với máy: 01 cái + Nắp bình với phao chống tràn: 01 cái + Tay cầm bình hút: 01 cái + Bình đựng dung dịch: 01 cái + Gioăng cao su của nắp bình đựng dịch: 01 cái + Bộ lọc hút PTFE: 01 cái + Ống nối bình đựng dịch và bình hình trụ: 01 cái + Nắp bình hình trụ: 01 cái + Ống nối bình đựng dịch và bình hình trụ: 01 cái + Nắp bình hình trụ: 01 cái + Núm điều chỉnh áp lực nước: 01 cái + Thanh điều chỉnh áp lực âm: 01 cái + Bình hình trụ tạo áp lực âm: 01 cái + Ống giữ đầu ống thông: 01 cái + Bộ lọc xả: 01 cái - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
11	Máy hút di động	Cái	10	1. Tính năng: - Dùng để hút dịch, đờm rãi cho bệnh nhân trong phẫu thuật, thủ thuật, chăm sóc y tế 2. Cấu hình gồm: - Thân máy chính : 01 chiếc - Bình đựng dịch: 02 chiếc - Pedal (công tắc đạp chân): 01 chiếc - Dây hút silicon $\geq 1,5$m: ≥ 01 chiếc

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Filter lọc: ≥ 03 chiếc - Dây điện nguồn: ≥ 01 chiếc - Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Dung tích mỗi bình: ≥ 2.5 lít/bình - Công suất: ≥ 20 lít/phút - Thời gian sử dụng liên tục ≥ 30 phút - Độ ồn: $\leq 60\text{db(A)}$ - Áp lực hút: $\geq 80\text{kPa}$ (hoặc $\geq 600\text{ mmHg}$) - Điện áp sử dụng: $220\text{v} - 50\text{Hz}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
12	Máy hàn túi tiệt trùng	Cái	1	1. Tính năng: + dùng để hàn miệng túi nilong trong công tác đóng gói tiệt trùng dụng cụ y tế. 2. Cấu hình: + Thân máy chính: 01 chiếc + Dây cáp nguồn: 01 chiếc + Hướng dẫn sử dụng tiếng việt: 01 quyển 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Nguồn điện: AC 220V/50 Hz - Công suất: $\geq 620\text{ W}$ - Tốc độ băng tải: có thể điều chỉnh được tốc độ băng tải từ 0 đến ≥ 15 m/phút - Tải trọng băng tải: $\geq 5\text{ kg}$ - Kích thước băng tải: $(650 \times 130)\text{mm} \pm 5\%$ - Nhiệt độ hàn điều chỉnh được từ: khoảng $0^{\circ} - 2000^{\circ}\text{C}$ - Độ dày túi (1 lớp) khoảng $0,02 - 0,1\text{ mm}$ - Độ rộng đường hàn: khoảng $5 - 15\text{ mm}$ - Bảo hành: 12 tháng
13	Bình hút di động loại 5l	Cái	15	1. Tính năng: Sử dụng để chứa dịch trong quá trình phẫu thuật. 2. Cấu hình, yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu: nhựa Polycarbonate hoặc thủy tinh - Dung tích: $5000\text{ml} \pm 5\%$ - Nắp bình tháo lắp dễ dàng - Có van chống tràn dịch - Có thể hấp uớt tiệt trùng ở nhiệt độ $\geq 121^{\circ}\text{C}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
14	Thiết bị hút liên tục	Bộ	4	1. Tính năng: Dùng hút, dẫn lưu khoang màng phổi bằng áp lực âm liên tục (sử dụng với khí hút trung tâm) 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật - Áp kế nước (điều chỉnh được áp lực hút từ 0 đến $\geq 40\text{ cm}$ nước): 01 cái

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Bình đựng dịch dẫn lưu dung tích $\geq 1800\text{ml}$: 02 cái - Ống dẫn lưu: 02 cái - Đầu nối dẫn lưu: 01 cái - Khung giá đỡ (xe đẩy) bằng Inox: 01 bộ - Tình trạng mới 100%
15	Hệ thống treo dịch truyền gắn trần	Cái	12	1. Tính năng: + Dùng để treo chai dịch truyền, huyết thanh, đạm, nước biển... 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật: - Móc treo có con lăn đặt nằm trong rãnh thanh ray: 1 bộ + Thanh ray với kích thước (3,5x 1,9x 120)cm $\pm 5\%$, có rãnh để cho các móc treo và bánh xe trượt di chuyển dễ dàng. + Chiều dài móc treo: thay đổi được từ 80cm – 120cm. + Nắp bịt 2 đầu thanh ray để cố định con lăn di chuyển trong rãnh: 2 nắp + Đầu móc treo bao gồm: 05 móc gấp 1 vòng + Chất liệu: thép không gỉ /Nhôm + Ghi chú: (bao gồm cả vật tư phụ, nhân công lắp đặt)
16	Giường chỉnh điện (sử dụng tại buồng đặt máy đốt Laser)	Cái	3	1. Tính năng: Sử dụng cho bệnh nhân nằm làm các thủ thuật, tiểu phẫu... 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật: + Chiều dài: 2m $\pm 5\%$ + Chiều rộng không gác tay: 63cm $\pm 5\%$ + Chiều rộng có gác tay: 85cm $\pm 5\%$ + Chiều cao nâng hạ: (66-90)cm $\pm 5\%$ - Số động cơ: 3 động cơ + Động cơ 1: Điều khiển nâng và hạ phần đầu + Động cơ 2: Điều khiển nâng và hạ phần chân + Động cơ 3: Điều khiển nâng và hạ chiều cao toàn bộ giường - Chất liệu: + Nệm mousse đàn hồi cao D28 + Da nhân tạo + Khung thép sơn tĩnh điện, nhựa ABS 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hình ảnh minh họa:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
17	Tủ tia cực tím	Cái	1	1. Tính năng: + Tủ dùng tia UV để khử khuẩn các dụng cụ y tế và các vật dụng khác. 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật: - Loại tủ đôi ở dạng đứng, có ≥ 30 khay - Khay chất liệu inox 304 hoặc tương đương - Chất liệu tủ là bằng thép sơn tĩnh điện hoặc tương đương - Cửa có ô kính an toàn, lọc 100% tia cực tím. - Công tắc an toàn tự động tắt đèn khi mở cửa tủ - Dung tích khoang sử dụng: ≥ 50 lít (cả 2 khoang) - Thời gian tiệt trùng: ≤ 15 phút - Điện áp sử dụng: 220V – 50 Hz.
18	Đèn phẫu thuật di động	Chiếc	1	1. Tính năng: - Sử dụng chiếu sáng trong phẫu thuật, thủ thuật y tế 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật - Loại nguồn sáng LED - Số lượng bóng: ≥ 48 bóng - Có bảng điều khiển (có công tắc nguồn, có thể điều chỉnh độ sáng và điều chỉnh nhiệt độ màu) - Cường độ ánh sáng: khoảng $40.000 \div 150.000$ Lux. (có thể điều chỉnh được) - Nhiệt màu: điều chỉnh ít nhất từ 4000–6000K - Chỉ số hoàn màu: $\geq 85Ra$ (CRI) - Đường kính vùng chiếu sáng ít nhất điều chỉnh được trong khoảng: $(170 \div 280)mm$ - Tuổi thọ của Led tối đa $\geq 50.000h$ - Có cánh tay di động, di chuyển linh hoạt các hướng. - Chân đế có bánh xe, khóa bánh xe - Điện áp sử dụng: AC 220V/50Hz - Vật liệu vỏ ngoài thân đèn: Thép mạ crom hoặc sơn tĩnh điện chống gỉ hoặc tương đương

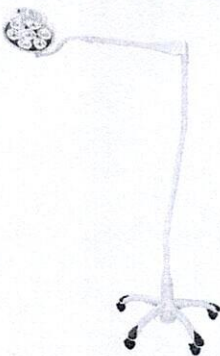
STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
19	Tủ bảo quản thuốc, hóa chất	Cái	3	1. Tính năng: Dùng để bảo quản thuốc, hoá chất, sinh phẩm sử dụng trong y tế 2. Cấu hình cơ bản - Máy chính: 01 chiếc - Giá để mẫu: ≥ 04 cái. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt: 01 bộ 3. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản - Loại tủ: Kiểu tủ đứng sử dụng để bảo quản thuốc, hoá chất, sinh phẩm. - Tủ 01 ngăn, 01 cửa, cửa kính kép có sầy kính chống đọng sương. - Dung tích tủ: ≥ 400 lít - Dải nhiệt độ bảo quản: điều khiển được ít nhất từ 2°C đến 8°C - Có đèn chiếu sáng bên trong tủ, có công tắc bật/tắt đèn tự động - Nguồn điện sử dụng: 220V/ 50Hz
20	Ống nghe	Cái	22	1. Tính năng: - Dùng để nghe, thăm khám tim phổi cho người lớn và trẻ em 2. Cấu hình - Ống nghe: 01 cái - Túi đựng: 01 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật - Ống nghe loại nghe 2 mặt, mặt chuông và mặt màng - Mặt nghe được làm từ thép không gỉ, có vòng chống lạnh (ngăn cách kim loại tiếp xúc với da bệnh nhân) - Dây nghe bằng nhựa PVC mềm, Chiều dài dây nghe: $56\text{cm} - 62\text{cm} \pm 5\%$ - Quai nghe làm từ kim loại mạ crom - Ốp tai nghe chất liệu cao su mềm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
21	Huyết áp điện tử	Cái	87	1. Tính năng: - Sử dụng để đo huyết áp, nhịp tim cho người lớn và trẻ em 2. Cấu hình: + Máy chính và vòng bút: 01 Bộ + Pin: 01 Bộ + Túi đựng: 01 Cái 3. Yêu cầu kỹ thuật - Đo được ít nhất các thông số: huyết áp, nhịp tim

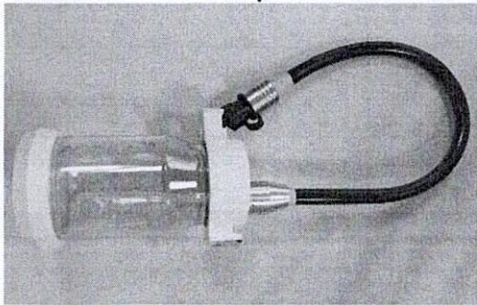
STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Giới hạn đo: + Huyết áp: ít nhất từ 0 tới 290 mm Hg + Nhịp tim: ít nhất từ 40 tới 180 nhịp/phút - Độ chính xác (sai số): + Huyết áp: ≤ 3 mm Hg + Nhịp tim: $\leq 5\%$ - Tự động bơm và xả khí - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
22	Huyết áp đồng hồ	Bộ	46	1. Tính năng: - Dùng để đo huyết áp cho người lớn và trẻ em 2. Cấu hình + Bao đo: 01 cái + Đồng hồ áp suất: 01 cái + Quả bóp: 01 cái + Túi đựng: 01 cái + Ống nghe: 01 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật + Chứng loại đo người lớn + Hiển thị: đồng hồ kim + Vị trí đo: bắp tay + Ống nghe loại nghe 2 mặt - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
23	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	491	1. Tính năng: Dùng để đo, kiểm tra nhiệt độ cơ thể không xâm lấn 2. Yêu cầu kỹ thuật + Loại: đo thân nhiệt tiếp xúc + Thời gian đo: ≤ 5 phút + Đo tại khoang miệng, nách hoặc hậu môn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
24	Nhiệt kế điện tử	Cái	25	1. Tính năng: Dùng để đo nhiệt độ cơ thể (tại vị trí trán) 2. Yêu cầu kỹ thuật + Thời gian đo: ≤ 3 giây + Có cảm biến khoảng cách. + Có cảnh báo âm thanh khi để gần/xa hơn khoảng cách chuẩn. + Cảnh báo sốt + Bộ nhớ ≥ 20 kết quả + Đơn vị nhiệt độ: $^{\circ}\text{C}$ + Tự động tắt nguồn khi không có tín hiệu. + Thiết kế dạng súng dễ cầm nắm + Nguồn điện: sử dụng pin DC - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
25	Bóng bóp Ambu	Bộ	25	1. Tính năng: sử dụng để hô hấp nhân tạo trong cấp cứu bệnh nhân

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	người lớn			2. Cấu hình - Bóng bóp sử dụng cho người lớn: 01 quả - Túi tích oxy: 01 chiếc - Van PEEP: 01 cái - Mặt nạ người lớn: 01 chiếc - Dây dẫn oxy: 01 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật - Chất liệu: Nhựa y tế - Loại dùng cho người lớn - Giữ được áp lực dương (PEEP) - Dây ô xy dài $\geq 2m$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
26	Bóng am bu	Cái	14	- Chất liệu bóng: Silicon - Có van, túi nạp oxy - Mask các cỡ
27	Mask bóp bóng người lớn Silicon	Cái	15	1. Tính năng: Kết hợp với bóng bóp ambu, dùng để hô hấp nhân tạo trong cấp cứu bệnh nhân 2. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: - Chất liệu: silicon - Sử dụng cho người lớn
28	Đèn nội khí quản	Bộ	20	1. Tính năng: - Sử dụng để làm thủ thuật đặt nội khí quản khó cho bệnh nhân 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật - Cán tay cầm: 01 cái Cán pin trung, bề mặt có khắc vân chống trơn trượt giúp cầm chắc - Pin phù hợp với cán: 01 bộ - Lưỡi cong tích hợp bóng đèn LED: 03 cái (Số 2; 3; 4) + Có thể tiệt trùng ở 134°C (không có bóng đèn và pin) + Cường độ sáng: khoảng 4000-10.000 LUX - Hộp đựng: 01 cái - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.
29	Đèn đặt nội khí quản khó	Bộ	4	1. Tính năng: - Thiết bị dùng để đặt nội khí quản khó cho người bệnh 2. Cấu hình: - Máy chính có màn hình và cán pin: 01 Cái - Lưỡi đặt: 03 cái (số 2, 3, 4) - Nguồn sạc: 01 cái - Cáp USB : 01 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng anh và tiếng việt 01 Bộ

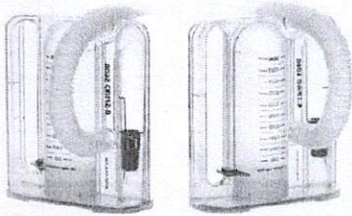
STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				3. Yêu cầu kỹ thuật: - Màn hình LCD $\geq 3,5$ inch + Độ phân giải: $\geq (640 * 480)$ VGA - Camera: + Loại camera: CMOS hoặc CCD. + Độ phân giải: ≥ 2.0M pixel + Góc nhìn: $\geq 60^0$ + Chống sương: Có - Nguồn sáng: + Loại đèn: LED + Chống sương mù, ánh sáng lạnh không gây nóng. + Tuổi thọ bóng: ≥ 20.000 giờ trở lên. + Cường độ sáng ≥ 10.000LUX + Nhiệt độ màu ≥ 5000K - Nguồn và Pin: + Loại pin Lithium có thể sạc lại + Nguồn điện AC230V, 50 Hz + Thời gian sạc: ≤ 2 giờ - Dữ liệu: Thiết lập và lưu trữ được các tệp ở định dạng ảnh hoặc video + Bộ nhớ: ≥ 16GB + Kết nối với PC qua cổng USB hoặc HDMI - Kháng nước, chống bụi: IPX7 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.
30	Đèn cực tím	Cái	5	1. Tính năng: - Dùng để diệt khuẩn vi sinh, vi khuẩn, vi rút, mầm bệnh, nấm... phát triển và lan truyền trong không khí, vật dụng... 2. Cấu hình bao gồm: - Bóng đèn UV: 01 chiếc - Ống thạch anh bảo vệ bóng: 01 chiếc - Chấn lưu (Ballast): 01 chiếc - Máng inox sus 304, đui đèn đồng bộ: 01 bộ 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Bóng đèn dạng ống như bóng tuýp gia đình - Kích thước dài: 120cm - Công suất bóng: ≥ 36W - Chấn lưu điện tử đồng bộ - Sử dụng điện áp: 220v - 50Hz
31	Đèn pin khám da liễu	Cái	1	1. Tính năng: + Dùng để thăm khám da liễu 2. Cấu hình: + Thân đèn: 01 chiếc + Pin sạc: 01 chiếc

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				+ Nguồn sạc: 01 chiếc + Cáp USB: 01 chiếc 3. Thông số kỹ thuật: + Kích thước: D13 x 1.5 x 1.4 cm $\pm 5\%$ + Chất liệu Hợp kim nhôm hoặc nhựa + Công tắc: dạng nút nhấn + Nguồn pin sạc: $\geq 350\text{mAh}$ + Cổng sạc USB Type C 5V $\geq 2\text{A}$ + Chế độ sáng Ánh sáng trắng, ánh sáng vàng, ánh sáng tím + Quang thông: 15-30Lm + Thời gian sử dụng: ≥ 30 giờ
32	Đèn Cla	Cái	3	1. Tính năng: Sử dụng trong thăm khám, làm thủ thuật chuyên khoa TMH - Cấu hình bao gồm: + 01 Đèn đeo đầu + 01 bộ pin sạc + 01 Bộ sạc điện 2. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Bóng đèn LED + Kiểu: băng đeo đầu, có ngăn chứa pin. + Điều chỉnh được hội tụ và hướng ánh sáng + Có thể tháo gỡ và giặt băng đeo đầu + Có công tắc nguồn + Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
33	Đèn tiểu phẫu	Cái	5	1. Tính năng: - Sử dụng để chiếu sáng phục vụ thăm khám và làm tiểu phẫu trong y khoa. 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật - Loại: đèn LED - Cường độ sáng: (50.000 ~ 100.000) LUX - Đường kính choá: khoảng 20-30cm - Số lượng bóng đèn: ≥ 20 bóng - Nhiệt độ màu: 4500K $\pm 5\%$ - Chỉ số hoàn hồi màu: ≥ 90 Ra (CRI) - Khoảng cách chiếu sáng hiệu quả: đến $\geq 140\text{cm}$ - Đường kính vùng chiếu sáng: $\leq 20\text{cm} \pm 5\%$ - Điều chỉnh cường độ: ≥ 7 bước, 10% -100% - Tuổi thọ của bóng đèn: $\geq 50000\text{h}$ - Chóa đèn linh hoạt, có cán để điều chỉnh - Có chân đế di động, chân đế có các bánh xe, ít nhất 02 bánh xe có khoá - Nguồn điện áp: 220V/50Hz - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Hình minh hoạ:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				
34	Cân sức khỏe	Cái	5	1. Tính năng: - Dùng để cân trọng lượng cơ thể và đo chiều cao cho người. 2. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Loại cân điện tử + Hiển thị bằng màn hình LED + Cân trọng lượng cơ thể: từ 0,5 đến ≥ 120 kg + Sai số: $\leq 1\%$ + Đo chiều cao: ít nhất từ 70-190cm + Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
35	Đồng hồ lưu lượng oxy cầm tường	Cái	140	1. Tính năng: Cung cấp oxy cho bệnh nhân (có làm ẩm và kiểm soát lưu lượng) từ hệ thống oxy trung tâm 2. Cấu hình: + Flow meter (bộ điều chỉnh được lưu lượng oxy): 01 cái + Cốc đựng nước làm ẩm (dùng nhiều lần): 01 cái + Đầu nối ổ cắm oxy chuẩn Nhật: 01 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật: + Áp suất đầu vào: $\geq 4,2\text{kg/cm}^2$ + Lưu lượng oxy điều chỉnh được từ: 0-15 lít/phút + Chỉ thị lưu lượng bằng bóng bi + Bình làm ẩm dung tích $\geq 350\text{ml}$, hấp tiệt trùng được ở nhiệt độ 121°C + Cột khí có màng lọc + Tương thích ổ khí Bệnh viện đang sử dụng (chuẩn Nhật Bản) + Chất liệu thân: Đồng mạ Crom + Năm sx: 2024 trở về sau + Tình trạng : Mới 100% + Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
36	Bình oxy 8 lít (vận chuyển BN nội bộ)	Bình	10	1. Tính năng: - Sử dụng để hỗ trợ thở cho bệnh nhân vận chuyển trong bệnh viện. 2. Yêu cầu kỹ thuật:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Chất liệu: Vỏ bình thép, van khóa đồng - Dung tích 8 lít - Áp suất sử dụng: 150 bar $\pm$ 5% - Áp suất nạp: 150 bar $\pm$ 5% - Hàng mới 100%, có giấy chứng nhận kiểm định.
37	Bình nước rửa dây soi	Cái	2	1. Tính năng: - Sử dụng để tưới rửa trong nội soi tiêu hóa, nội soi tiết niệu... - Sử dụng được với tất cả các ống soi của hãng Olympus. 2. Cấu hình: - Bình đựng nước kèm ống dẫn nước: 01 chiếc 3. Yêu cầu kỹ thuật: Bình có chất liệu nhựa, trong suốt, dung tích bình ≥ 250 ml, đường kính ngoài 65mm $\pm$ 5% Tiêu chuẩn ISO 13485 Hình ảnh minh họa: 
38	Máy khí dung	Cái	12	1. Tính năng: - Xông điều trị các chứng bệnh mũi, họng, phế quản và sử dụng trong cấp cứu Shock phản vệ 2. Cấu hình: - Máy chính: 01 chiếc - Cốc đựng thuốc: ≥ 01 chiếc - Dây (ống) dẫn khí dung (kết nối giữa máy và cốc thuốc): ≥ 01 chiếc - Mặt nạ người lớn: ≥ 01 chiếc - Mặt nạ trẻ em: ≥ 01 chiếc - Miếng lọc khí đầu vào: ≥ 01 chiếc 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Dung tích cốc (phần chứa thuốc): ≥ 7ml. - Tốc độ phun khí: ≥ 0.5ml thuốc/phút. - Kích thước hạt khí dung: ≤ 4 micron - Sử dụng với nguồn điện: 220V/50Hz - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
39	Thang	Cái	1	1. Tính năng: Dùng cho bệnh nhân tập đu kéo

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	tường gỗ chữ T			dẫn cột sống, tập gia tăng tầm hoạt động các khớp 2. Cấu hình, yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Vật liệu: Toàn bộ được làm bằng gỗ chất lượng từ nhóm III trở lên + Loại 09 thanh ngang + Kích thước (Cao 2200 x Rộng 1000)mm $\pm$ 5% + Khoảng cách giữa các thanh ngang 24cm $\pm$ 5%
40	Ròng rọc	Cái	1	1. Tính năng: Dùng để tập khớp vai hỗ trợ phục hồi cho người tai biến 2. Cấu hình: + Xà, cột: 01 bộ + Bộ ròng rọc đã bao gồm móc treo: 01 bộ + Dây cáp: 01 cái + Tay nắm: 02 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Vật liệu: Toàn bộ xà, cột được làm bằng inox SUS304 có độ dày $\geq 1,2$ mm + Xà có kích thước 2200mm + Bánh xe đường kính 75mm, chiều rộng rãnh bánh xe: 10mm + Dây cáp bọc nhựa: loại $\varnothing 8$ mm, dài 2000mm
41	Siproball lưu lượng	Cái	1	Phế dung kế 3 bóng (SPIRO TRIBALL) 1. Tính năng: Thiết bị chuyên ngành hô hấp, dùng để đo các chức năng của phổi 2. Cấu hình: + Lọc không khí: 01 cái. + Ống nối: 01 cái. + Đầu ngậm miệng: 01 cái. + Bóng: 03 quả 3. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Dung tích: ≥ 1.200 ml + Ngăn chia: 600 - 900 - 1200ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
42	Siproball thể tích	Cái	1	1. Tính năng: Thiết bị chuyên ngành hô hấp, dùng để đo các chức năng của phổi 2. Cấu hình: + Lọc không khí: 01 cái. + Ống nối: 01 cái. + Đầu ngậm miệng: 01 cái. + Bình khí có piston: 01 bình 3. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Dung tích: ≥ 5000 ml + Bên ngoài buồng piston hít vào có in vạch

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				chia tỷ lệ dung tích ở hai mặt. + Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 Hình minh họa: 
43	Oxygen dual valve (Van kép Oxygen)	Cái	1	1. Tính năng: + Dùng để tập luyện hô hấp 2. Cấu hình: + Van kép: 01 cái + Ống ngậm: 01 cái + Kẹp mũi: 01 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: + Van kép loại 0cm ÷ 80cm nước + Mức điều chỉnh 10cm nước - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
44	Mask thở không xâm nhập	Cái	4	1. Tính năng: - Dùng để dẫn khí từ máy thở đến người bệnh qua đường hô hấp, không xâm lấn 2. Cấu hình, yêu cầu kỹ thuật cơ bản: - Cấu hình: bao gồm mask, van xả khí, van an toàn chống ngạt và dây đeo - Loại mask che cả mũi và miệng, có các size - Chất liệu: + Mặt nạ bằng nhựa polycarbonate trong suốt hoặc tương đương + Đệm mặt bằng silicone y tế mềm chống dị ứng hoặc tương đương - Có thể vệ sinh, tiệt trùng bằng dung dịch sát khuẩn hoặc tiệt trùng nhiệt độ thấp (khí EO, plasma). - Tiêu chuẩn ISO 13485
45	Nhiệt ẩm kế tự ghi	Cái	38	Nhiệt ẩm kế tự ghi - Phạm vi đo: khoảng $-40^{\circ}\text{C} \sim +85^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ chính xác: $\pm \leq 0.5^{\circ}\text{C}$ - Độ ẩm: 10% ~ 99% - Chính xác độ ẩm: $\pm 3\% \text{ RH}$ - Độ phân giải: nhiệt độ $\leq 0.1^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\leq 0.1\% \text{ RH}$ - Dung lượng ghi: ≥ 16000 điểm - Khoảng thời gian ghi: khoảng 10 giây ~ 24 giờ (Tùy chọn và có thể được đặt trong phần

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				mềm) - Giao diện dữ liệu: USB hoặc Internet - Nguồn điện: Pin sử dụng một lần hoặc được sạc qua cổng USB - Tuổi thọ pin: $\geq$ Hai năm ở nhiệt độ phòng với khoảng thời gian ghi 15 phút và cảnh báo chuông báo động bị tắt.
46	Bàn ép túi máu	Cái	2	1. Tính năng: Dùng để ép, tách huyết tương túi máu 2. Cấu hình: Bàn ép: 01 cái Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt: 01 bộ 3. Thông số kỹ thuật: - Bàn ép túi thủ công (bằng tay) - Sử dụng phù hợp với tất cả các loại túi máu đến $\geq 500\text{ml}$ - Tấm ép trong suốt, chất liệu nhựa acrylic hoặc tương đương - Lực ép tối đa đến 3.5 kgf - Bề mặt ngoài: phủ bóng bằng sơn tĩnh điện - Tay cầm có thiết kế chống trơn - Có móc giữ tay cầm trước và sau khi ép 4. Tiêu chuẩn ISO 13485
47	Cây nòng đặt nội khí quản	Cái	10	1. Tính năng: Dùng để dẫn đường cho ống nội khí quản 2. Yêu cầu kỹ thuật: - Chiều dài $70\text{cm} \pm 5\%$ - Đường kính 15Fr - Loại có 2 mắt (2 lỗ nhỏ ở đầu xa của cây nòng) - Chất liệu: LDPE hoặc nhựa y tế có độ đàn hồi - Có khả năng uốn cong 3. Tiêu chuẩn: ISO 13485
48	Ghế ngôi có thể xoay và nâng chỉnh độ cao	Cái	3	1. Tính năng: Sử dụng để nhân viên y tế ngồi thăm khám, điều trị bệnh nhân 2. Yêu cầu kỹ thuật: - Đường kính mặt ghế: $32\text{cm} \pm 5\%$ - Chiều cao: điều chỉnh được ít nhất từ $45\text{cm} \div 55\text{cm}$ - Chất liệu: Chân inox hoặc thép mạ crom. - Độ dày của đệm: $\geq 5\text{cm}$ - Xoay được 360° - Hệ thống nâng hạ bằng thủy lực - Tình trạng: Mới 100%

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				- Hình minh họa: 
49	Tủ đầu giường	Cái	29	1. Tính năng: - Sử dụng để đựng vật dụng, tư trang cá nhân... của bệnh nhân 2. Cấu hình: - Tủ chính: 01 cái - Bàn trượt: 01 cái - Ngăn kéo: 01 cái - Khay để đồ (ngăn tủ): ≥ 01 cái - Giá treo khăn: ≥ 01 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Kích thước (rộng x sâu x cao) = $(0,45 \times 0,45 \times 0,75)\text{m} \pm 10\%$ - Chất liệu: nhựa ABS chuyên dụng trong y tế - Có 04 bánh xe di chuyển, có ít nhất 02 bánh có khoá. - Khay để đồ (ngăn tủ phía dưới) tháo lắp dễ dàng, thay đổi được vị trí (cao, thấp) 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
50	Xe lăn	Cái	67	1. Tính năng: Sử dụng để vận chuyển bệnh nhân 2. Cấu hình, thông số kỹ thuật - Kích thước (mm): (DxRxC): 950-1100 x 600-700 x 850-950 - Khung xe: inox + Tựa lưng và đệm ngồi (chỗ ngồi): chất liệu da Simili hoặc vải giả da. + Đỡ chân có thể gấp lại được. + Bánh: lốp cao su đặc, vành nhựa đúc. Bánh trước xoay chuyển hướng được 360 độ + Xe lăn có thể gấp vào được. + Tải trọng: $\geq 100\text{kg}$ + Chiều rộng ghế ngồi: $45\text{cm} \pm 5\%$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
51	Giường đa năng (02 tay quay)	Cái	40	1. Tính năng: - Sử dụng cho bệnh nhân nằm điều trị tại Bệnh viện. - Điều khiển bằng hệ thống tay quay. - Thay đổi được các tư thế: Đầu (lưng), chân:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				+ Nâng hạ đầu trong khoảng từ 0 đến ≥ 75 độ + Nâng hạ chân trong khoảng từ 0 đến ≥ 30 độ 2. Cấu hình, thông số kỹ thuật: 2.1. Khung giường kèm 4 bánh xe: 01 bộ - Khung bằng thép hộp sơn tĩnh điện, độ dày $\geq 1,4\text{mm}$ - Đường kính bánh xe $\geq 125\text{mm}$, có nắp che chống bụi. - Khóa được cả 4 bánh xe bằng cơ cấu khóa trung tâm - Kích thước tổng thể: (dài 2,1 x rộng 0,95 x cao 0,5)m $\pm 5\%$ 2.2. Mặt giường: ≥ 4 khúc - Chất liệu: Thép tấm sơn tĩnh điện hoặc inox, có lỗ thoáng khí - Liên kết linh hoạt - Tải trọng: ≥ 200 kg 2.3. Bộ tay quay: ≥ 02 bộ, tay quay gấp lại được khi không sử dụng 2.4. Tấm chắn đầu giường: 02 cái, tháo rời được ra khỏi khung chính 2.5. Tay vịn (lan can chống ngã): 02 cái - Chất liệu: thanh đứng bằng inox hoặc thép mạ crom-niken; thanh ngang bằng inox hoặc nhôm - Gập lên, xuống được. - Tải trọng (lực đẩy ngang) khi sử dụng: ≥ 70 kg 2.6. Đệm giường: ≥ 01 cái - Chất liệu: bông ép hoặc xốp PE không xẹp - Bọc bằng vật liệu không thấm nước, thoáng khí - Kích thước: phù hợp với mặt giường; độ dày từ 5 đến 10cm (phân từng khúc theo mặt giường) 2.7. Bảng công khai thuốc chất liệu inox: ≥ 01 chiếc 2.8. Cọc truyền: ≥ 01 chiếc - Chất liệu: inox 304 trở lên - Chiều cao điều chỉnh được ít nhất từ 800 đến 1400mm - Móc treo dịch truyền: ≥ 02 móc - Có ít nhất 4 vị trí cắm cọc truyền trên khung giường 2.9. Móc treo túi dịch thải bệnh nhân: ≥ 04

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				móc 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
52	Cáng đẩy bệnh nhân inox	Cái	17	1. Tính năng: Dùng để vận chuyển người bệnh đi cấp cứu thường được sử dụng trong bệnh viện, phòng khám và các cơ sở y tế. 2. Cấu hình: - Xe chính: 01 cái. - Cáng khênh tay: 01 cái - Lan can: 02 cái - Giỏ để đồ: 01 cái - Cọc truyền dịch: 01 cái - Đệm mút: 01 cái. - Bánh xe: 01 bộ (04 bánh) 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Kích thước: (D1900xR660xC700)mm $\pm 10\%$ (không kể đệm) 3.1. Kết cấu chung: - Xe có kết cấu hàn liền, mặt cáng khiêng tay có thể dễ dàng nhấc khỏi xe trong trường hợp cần thiết. - Có nâng đầu điều chỉnh từ 0 độ đến 30 độ bằng hệ thống tay khóa, có 3 nấc điều chỉnh góc nghiêng. - Lan can hai bên thành xe có thể nâng hạ bằng chốt nhẹ nhàng. - Cọc truyền dịch có thể tháo rời khỏi xe, có ít nhất 2 vị trí cắm cọc truyền dịch ở 2 phía đối diện của xe - Xung quanh xe có nẹp nhựa chống va đập. - Phía dưới xe có giỏ để đồ được làm bằng inox tấm, hoặc lưới đan inox phi 4 được hàn chắc chắn vào khung xe - Đệm bông 2 khúc bọc vải giả da, không thấm nước, phía dưới có các quai móc đệm để cố định đệm với khung cáng. - 04 bánh xe kiểu mặt bích được hàn chắc chắn vào khung xe, có khoá ít nhất 02 bánh xe chéo nhau. 3.2. Vật liệu: - Toàn bộ làm bằng inox SUS304 trở lên trừ bánh xe. + Mặt cáng bằng inox tấm dày 0,8mm $\pm 5\%$. + Khung xe bằng inox hộp 25x50 mm, hộp 25x25 mm, dày $\geq 1,2$mm + Khung xe có nẹp nhựa chống va đập + Cọc truyền bằng inox ống $\Phi 15$, dày $\geq$

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				1mm, chiều cao có thể di chuyển ít nhất trong khoảng 1m-1,5m so với mặt cằng. + Lan can bằng inox ống $\Phi 25$ dây $\geq 1,2\text{mm}$, ống $\Phi 19$ dây $\geq 1,5\text{ mm}$ + Đệm bông ép bọc vải giả da dày $50\text{mm} \pm 5\%$, không thấm nước, phía dưới có các quai móc đệm để cố định đệm với khung cằng - Tải trọng của xe: $\geq 250\text{ kg}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
53	Giường cằng	Cái	14	1. Tính năng: - Sử dụng trong việc vận chuyển cấp cứu người bệnh. - Thay đổi được ít nhất các tư thế: chiều cao, phần lưng + Phần đầu thay đổi được ít nhất trong khoảng: từ 0 đến 60 độ $\pm 5\%$ + Chiều cao thay đổi được ít nhất trong khoảng: từ 600 đến 850mm $\pm 5\%$ 2. Cấu hình, thông số kỹ thuật: 2.1. Khung xe chính kèm bánh xe di chuyển: 01 cái - Kết cấu: inox hoặc thép hộp sơn tĩnh điện hoặc bọc nhựa - Bánh xe: gồm 4 bánh đường kính $\geq 150\text{mm}$ và 01 bánh dẫn hướng, có phanh ở 04 bánh 2.2. Mặt cằng kết cấu bằng thép tấm hoặc nhựa ABS có viền khung thép. Gồm: - Tấm nâng đầu chiều dài $750\text{mm} \pm 5\%$; thay đổi được góc nghiêng bằng cơ cấu xilanh thủy lực ít nhất trong khoảng: từ 0 đến 60 độ. - Tấm thân, chân cố định. 2.3. Khung đỡ mặt cằng kết cấu thép hộp sơn tĩnh điện: 01 cái 2.4. Hệ thống nâng hạ: 01 hệ thống - Kết cấu bằng thép tấm có dáp gân chịu lực - Hệ thống nâng hạ bằng trục vít me, tay quay 2.5. Thang chắn (lan can) nâng hạ được: 02 chiếc - Vật liệu: nhựa ABS - Có xi lanh thủy lực giảm chấn 2.6. Đệm cằng: ≥ 01 cái - Chất liệu: mút không xẹp hoặc PE - Bọc bằng vật liệu không thấm nước, thoáng khí - Kích thước vừa với mặt cằng, độ dày $50\text{mm} \pm 5\%$

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				2.7. Cọc treo dịch truyền: 01 cái 2.8. Kích thước tổng thể (DxR): 1950 *650 mm $\pm$ 5% 3. Yêu cầu khác: - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485
54	Xe đẩy bình oxy 8 lít	Cái	12	1. Tính năng: Sử dụng để vận chuyển bình oxy 8 lít (có thể dùng cho cả bình 10 lít) 2. Yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu: Inox 304 + Kích thước (Dài x rộng x cao) = (60÷65) x 40 x (85÷100) cm (Tùy chọn độ dài và chiều cao) + Có hệ thống móc cố định giữ bình oxy + Có 2 bánh xe trục ngang đường kính $\geq$ 150mm + Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
55	Tủ inox để dụng cụ	Cái	2	1. Tính năng: - Sử dụng để đựng, bảo quản dụng cụ y tế 2. Cấu hình: - Tủ chính: 01 cái - Sàn phẳng (có thể tháo rời): 03 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Kích thước: (R800 x S400 x C1600)mm - Kết cấu chung: Tủ chia làm hai khoang, có khóa riêng từng khoang. - Khoang trên: + Cao 900mm, gồm hai sàn phẳng inox chia khoang trên thành 03 ngăn(có thể tháo lắp vào tủ bằng các tấm cài) + 2 cánh cửa bằng kính trắng dày $\geq$ 5mm, có thanh cứng giữa hai cánh tủ, có khay khóa treo, (không lắp ổ khóa trực tiếp vào tủ), có chốt trong, phía ngoài cánh kính được viền nẹp vát bằng inox + Hai hồi bằng inox tấm dày $\geq$ 0,8mm - Khoang dưới: + Cao 600mm + Có 1 sàn phẳng inox chia khoang dưới thành 02 ngăn (có thể tháo lắp vào tủ bằng các tấm cài) + 2 cánh cửa inox, có thanh cứng giữa hai cánh tủ, có khay khóa treo (không lắp ổ khóa trực tiếp vào tủ), có chốt trong, được bao toàn bộ bằng inox tấm dày $\geq$ 0,8mm - Khung tủ làm bằng hộp 25x25mm, độ dày $\geq$

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				1,2mm - Khung cánh tủ hộp 20x20mm, độ dày $\geq$ 1,2mm - Chân tủ có gắn đế cao su (Các yêu cầu về kích thước được dung sai $\pm$ 5%) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
56	Khay chia thuốc inox	Cái	5	1. Tính năng: - Sử dụng để chia thuốc cho bệnh nhân. 2. Cấu hình, Yêu cầu kỹ thuật - Toàn bộ khay được làm bằng inox 304 dày $\geq$ 1mm, các cạnh được gấp mép chống gây xước tay cho người sử dụng + Chiều dài khay: 72cm + Chiều rộng khay: 48cm + Chiều cao thành khay: 10cm + Bên trong được chia thành 24 ô, mỗi ô kích thước: (12x12x10) cm + Hai bên hông có hai quai xách bằng inox (Các yêu cầu về kích thước được dung sai $\pm$ 5%) Tiêu chuẩn ISO 13485
57	Xe đựng dụng cụ cấp cứu	Cái	9	1. Tính năng: Xe đẩy tiêm thuốc dùng trong cấp cứu và cấp phát thuốc 2. Cấu hình, thông số kỹ thuật: 2.1. Cấu hình: - Khung xe chính: 01 cái - Kèm theo các phụ kiện chuẩn như sau: + Hệ thống ngăn kéo: 5 cái + Kệ đặt máy: 1 cái + Bánh xe: 4 cái + Mặt bàn mở rộng: 1 cái + Hộp/Khay đựng dụng cụ: 1 cái + Thùng rác có nắp đậy: 2 cái + Bộ chia ngăn: 3 bộ + Khoá trung tâm ngăn kéo: 01 cái + Giá đỡ bình oxy: 01 cái + Cọc truyền dịch: 01 cái 2.2. Yêu cầu kỹ thuật: + Kích thước: Dài 650 x Rộng 475 x Cao 980mm (có bao gồm bánh xe) $\pm$ 5% + Hệ thống ngăn kéo tháo rời được gồm 5 ngăn kéo + Mỗi ngăn kéo có thể tháo rời,. + Xe có khoá trung tâm cho các ngăn kéo. + Xe có 4 bánh xe, ít nhất 2 bánh chéo nhau

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				có khóa, đường kính bánh xe $\geq 100\text{mm}$ + Thùng rác đôi có nắp đậy mở bằng bàn đạp chân + Bàn mở rộng bên hông: có thể kéo trượt ra hoặc thu gọn vào. + Vật liệu: nhựa ABS, tầng trên có lan can 3 mặt bằng inox. + Tải trọng $\geq 20\text{kg}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Hình ảnh minh họa 
58	Xe vận chuyển dụng cụ, thuốc, hoá chất, vật tư	Cái	9	Tính năng: Sử dụng để vận chuyển dụng cụ y tế, hoá chất, thuốc, vật tư Yêu cầu kỹ thuật cơ bản: - KT: $(1000*600*800)\text{mm} \pm 5\%$ - Chất liệu: Inox 304 (trừ bánh xe) - Quy cách: + Khung xe uốn bằng inox $\Phi 32$ dày $\geq 1,2\text{mm}$ + Tay đẩy được uốn bằng inox $\Phi 32$ dày $\geq 1,2\text{mm}$ + Xung quanh đàn nan bốn mặt bằng ống inox $\Phi 16$ dày $\geq 1\text{mm}$ khoảng cách $\leq 10\text{cm}$ - Mặt sàn của xe được làm bằng inox tấm dày $\geq 1\text{mm}$ có hộp định vị xung quanh, thanh giằng tăng cứng mặt dưới bằng inox hộp $25*25$ dày $\geq 1\text{mm}$, tải trọng $\geq 350\text{kg}$ - 04 Bánh xe di chuyển $\Phi 150$ tải trọng $\geq 350\text{kg}$, có khoá 04 bánh - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
59	Cọc truyền	Cái	64	1. Tính năng: Dùng để treo dịch truyền cho bệnh nhân 2. Yêu cầu kỹ thuật - Thân bằng ống inox Su 304 $\Phi 32$, độ dày $\geq 1,2\text{mm}$ - Có ≥ 4 móc treo - Chân đế bằng hộp inox Su 304 $(30*50)\text{mm}$,

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				độ dày $\geq 1,2$ mm - Bánh xe: loại có 5 bánh xe - Chiều cao điều chỉnh được ít nhất từ: $(900 \div 1700)$ mm $\pm 5\%$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
60	Xe đẩy tiêm 3 tầng	Cái	98	1. Tính năng: sử dụng để vận chuyển các y, dụng cụ và phát thuốc cho bệnh nhân. 2. Yêu cầu kỹ thuật cơ bản - KT: $(D825 \times R520 \times C1100)$ mm $\pm 5\%$ - Xe có 3 tầng khay, mỗi tầng đều có lan can 4 phía, có 01 ngăn kéo dưới tầng trên cùng chia làm 06 ô để đựng thuốc và vật tư tiêu hao. - Khung xe bên phải có 2 móc treo hai bên, 1 giỏ đựng xô (xô cao 25 cm) - Khung bên trái có 1 giỏ đựng vật tư tiêu hao, 1 giỏ đựng chai nước sát khuẩn, 2 móc treo can đựng vật sắc nhọn - Bốn bánh xe $\geq \Phi 100$ mm, trong đó có ít nhất 02 bánh chéo nhau có phanh hãm. - Vật liệu: Toàn bộ xe được làm bằng inox SUS304 trở lên (trừ bánh xe). + Mặt khay được làm bằng tấm inox có độ dày $\geq 0,8$ mm. + Khung xe được làm bằng inox ống $\Phi 22$ mm dày $\geq 1,2$ mm + Thanh giằng lan can được làm bằng inox ống $\Phi 12,7$ mm + Tải trọng mỗi tầng ≥ 20 kg. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
61	Tủ thuốc	Cái	20	1. Tính năng - Sử dụng để đựng, bảo quản thuốc chữa bệnh 2. Cấu hình - Tủ chính: 01 cái - Sàn nghiêng: 01 cái - Sàn phẳng: 01 cái - Mỏ cài đỡ sàn phẳng: 04 cái 3. Yêu cầu kỹ thuật: - Kích thước (mm): $(R \times S \times C)$ 800x400x1600 ($\pm 5\%$) - Kết cấu chung: Tủ chia làm hai khoang, có khóa riêng từng khoang: - Khoang trên cao 900 mm, gồm một sàn nghiêng chia 24 ô inox (có thể tháo rời hoặc lắp vào tủ bằng các tấm cài) + Phía trên cùng hai tủ thuốc dọc A-B có khóa

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				chắc chắn, trong mỗi tủ độc có 1 sàn nghiêng nhỏ + 2 cánh cửa bằng kính trắng dày 5mm, có khóa chìm, phía ngoài cánh kính được viền nẹp vít bằng inox. Hai hồi inox . - Khoảng dưới cao 625mm, có 1 sàn inox (có thể tháo rời hoặc lắp vào tủ bằng các tấm cài) + 2 cánh cửa inox, có khóa, được bao toàn bộ bằng inox tấm dày $\geq 0,8\text{mm}$ - Khung tủ làm bằng hộp 25x25mm, độ dày $\geq 1,2\text{mm}$ - Khung cánh tủ hộp 20x20mm, độ dày $\geq 1,2\text{mm}$, có khóa - Cánh dưới bọc inox tấm dày $\geq 0,8\text{mm}$ - Chân tủ có gắn đế cao su - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
62	Bàn tít dụng cụ	Cái	2	1. Tính năng: - Sử dụng để tiếp dụng cụ trong phẫu thuật thủ thuật y tế. 2. Cấu hình, yêu cầu kỹ thuật - Kích thước: D600 x R400 x C(1000÷1500)mm $\pm 5\%$ - Toàn bộ xe được làm bằng inox Su 304 trở lên - Khung đỡ khay được làm bằng hộp inox (15x40)mm dày $\geq 1,2\text{mm}$ - Khay kích thước: (450x670)mm $\pm 5\%$, dày $\geq 0,8\text{mm}$, mặt khay có thể tháo rời dễ dàng vệ sinh - Thân xe được làm bằng inox hộp (30x50)mm và inox tròn $\phi 40$, dày $\geq 1,4\text{mm}$ có thể điều chỉnh độ cao từ (1000÷1500)mm có chốt hãm chắc chắn - Bốn bánh xe chuyển hướng , trong đó có ít nhất 02 bánh chéo nhau có phanh hãm + Tải trọng $\geq 30\text{kg}$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
63	Bạc tam cấp	Cái	2	1. Tính năng: - Sử dụng để bệnh nhân lên xuống khi làm phẫu thuật, thủ thuật 2. Cấu hình, thông số kỹ thuật + Chất liệu: Inox Su 304 + Bạc tam cấp: 200mm mỗi bậc + Kích thước: (Sâu500 x R400x C400)mm $\pm 5\%$ + Hai chân phía sau có thanh giằng cứng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				+Mặt bậc tam cấp làm bằng inox tấm dày $\geq 1,2$ mm, có các thanh đỡ phía dưới
64	Bàn mô tử thi	Cái	1	1. Tính năng: + Sử dụng để phẫu thuật tử thi 2. Cấu hình, yêu cầu kỹ thuật: + Chất liệu inox SUS 304: khung bằng inox hộp định hình, độ dày $\geq 1,5$mm; mặt bàn bằng inox tấm ≥ 1mm + Kích thước: (D220 x R85 x C75)cm (chiều cao bàn 75cm cả bánh xe) + 04 bánh xe chuyển hướng xoay 360 độ, có phanh hãm, đường kính bánh: ≥ 150 mm + Tải trọng: ≥ 150 kg

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

CÔNG TY:
 ĐỊA CHỈ:
 SỐ ĐIỆN THOẠI:
 MÃ SỐ THUẾ:

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở đề nghị báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình tại Công văn số/BVĐK-VTTBYT ngày tháng năm, chúng tôi báo giá cung cấp các thiết bị y tế như sau:

1. Danh mục báo giá

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	- Tên thiết bị: - Model: - Ký, mã, nhãn hiệu (nếu có): - Hãng sản xuất - Xuất xứ: - Năm sản xuất: - Các tiêu chuẩn chất lượng (ISO, CE, FDA...): - Cấu hình: - Thông số kỹ thuật chi tiết: - Thời gian bảo hành: - Các thông tin khác (nếu có):				
...					
TỔNG CỘNG:					

Ghi chú:

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ, chi tiết thông tin theo yêu cầu tại Biểu trên và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh, mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có).

- Giá báo là giá đã bao gồm thuế, phí theo quy định của Nhà nước.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày phát hành báo giá. [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]

3. Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))